

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Đông.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1979; nơi cư trú: A, Khóm F, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: A, Khóm F, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C (nay là Ủy ban nhân dân phường P), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/6/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh T1, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quốc T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 27/4/2017 hiện đang sinh sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang T2 đã được Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Quang T2.

Bị đơn anh Lê Quang T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 27/10/2025, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Quang T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Quang T2 tiến tới hôn nhân do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường C (nay là Ủy ban nhân dân phường P), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/6/2017. Quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T2 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 27/4/2017 hiện đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét chị T có nghề nghiệp ổn định và có đủ điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và nguyện vọng cháu V là được tiếp tục sinh sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T và anh T2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh T2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn anh Lê Quốc T1.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 27/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng.

Anh T1 được quyền tới thăm con chung, không ai được ngăn cản. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị T.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai số 0003405, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND.KV1-VL;
- Phòng THADS.KV1-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Châu